TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P **TỈNH T NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 154/2019/ HS-ST
Ngày 18 - 11 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH T NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Minh Lý

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thịnh – Trưởng ban giải phóng mặt bằng huyện P.

2. Bà Hoàng Thị Kim Liên – Hiệu trưởng trường Tiểu học thị trấn Hương Sơn, huyện P.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Minh Hải - Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh T Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tham gia phiên tòa: Ông Lưu Nguyên Vũ - Chức vụ: Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày18tháng 11năm 2019, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh T Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 149/2019/HSST, ngày 22 tháng 10 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 164/ 2019/ HSST- QĐ ngày 01 tháng 11 năm 2019, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Phạm Ngọc T**, sinh ngày 10/4/2002.

Nơi thường trú: Thôn T, xã Đ, huyện V, tỉnh Khánh Hòa.

Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: 6/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Phạm Đ, sinh năm 1964, con bà Đặng Thị M, sinh năm 1966. Gia đình có 09 anh chị em, bị cáo là con thứ 08. Chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam, bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại.

(Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

Người đại diện theo pháp luật của bị cáo:

- Bà Đặng Thị M, sinh năm 1966 (là mẹ đẻ bị cáo) và ông Phạm Đ, sinh năm 1964.

Đều ĐKHK: Thôn T, xã Đ, huyện V, tỉnh Khánh Hòa.

Nơi ở: Khu phố 11, thị xã Na Gi, tỉnh Bình Thuận.

(Bà M có mặt; ông Đ vắng mặt tại phiên tòa).

Người bào chữa cho bị cáo:

Bà Nguyễn Ngọc Q– Trợ giúp viên pháp lý, thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý của Nhà nước, Sở tư pháp tỉnh T Nguyên.

(Có mặt tại phiên tòa).

Bị hại: Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1996

Trú tại: Xóm Cầu N, xã Tân K, huyện P, tỉnh T Nguyên.

(Có mặt tại phiên tòa).

Người làm chứng:

1. Anh Bùi Quang Q, sinh năm 1990

Trú tại: Xóm Na R, xã Tân K, huyện P, tỉnh T Nguyên.

(Vắng mặt tại phiên tòa).

2. Anh Dương Văn K, sinh năm 1990

Trú tại: Xóm H, xã Xuân P, huyện P, tỉnh T Nguyên.

(Vắng mặt tại phiên tòa).

3. Anh Nguyễn Xuân H, sinh năm 1993

Trú tại: Xóm P, xã H, huyện Hương K, tỉnh Hà Tĩnh.

(Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 01/2019, Phạm Ngọc T có quen biết với Bùi Quang Q và một nam thanh niên tên Tùng (không xác định được rõ tên tuổi địa chỉ) tại một quán Internet ở xã Đ, huyện V, tỉnh Khánh Hòa. Quân và Tùng có rủ T ra T Nguyên chơi và hứa kiếm việc làm cho T, T đồng ý. Đến ngày 19/01/2019 T ra T Nguyên và gặp Tùng, Quân, Hảo rồi nghỉ tại nhà nghỉ Hương Rừng có địa chỉ tại Xóm Cầu N, xã Tân K, huyện P, tỉnh T Nguyên. Sau đó không thấy Quân xin việc cho mình, T xin tiền Tùng và Hảo để về quê nhưng không được. Tối ngày 20/01/2019, khoảng 23 giờ T đi sang phòng ngủ của Anh Nguyễn Văn B là con trai của bà chủ nhà nghỉ Hương Rừng hỏi mượn điện thoại để gọi về nhà, anh Biên đồng ý và đưa cho T chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 plus màu hồng, T cầm điện thoại rồi quay về phòng nghỉ sử dụng điện thoại để chơi game, khoảng hơn 1 tiếng sau thì trả điện thoại cho anh Biên. Sau khi trả điện thoại cho anh Biên, thấy việc anh Biên dễ dàng cho mượn điện thoại, và không còn đủ tiền xe để về quê nên T nảy sinh ý định lừa đảo chiếc điện thoại của anh Biên để bán lấy tiền tiêu sài và về quê. Đến khoảng 05 giờ ngày 21/01/2019, khi anh Biên đang nằm ngủ trong phòng ngủ của mình thì T vào phòng ngủ gặp Biên rồi tiếp tục hỏi mượn điện thoại di động của Biên để gọi về nhà, anh Biên tưởng thật và đồng ý lấy điện thoại đưa cho T. Sau khi mượn được điện thoại thì T đi ra thẳng cổng nhà nghỉ Hương Rừng và gọi taxi do anh Dương Văn K, sinh năm 1990, trú Xóm H, xã Xuân P, huyện P điều khiển rời đi khỏi nhà nghỉ Hương Rừng cầm theo chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus màu hồng là tài sản của anh Biên. T đi taxi ra đến đường quốc lộ, sau đó bắt xe ô tô khách đi về Khánh Hòa, tại Khánh Hòa, T bán chiếc điện thoại trên cho một cửa hàng điện thoại tại thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa (không nhớ rõ tên cửa hàng và địa chỉ) được 4.500.000 đồng, số tiền bán được điện thoại T đã tiêu sài hết. Toàn bộ quá trình thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản là chiếc điện thoại di động của anh Biên, T thực hiện một mình và không bàn bạc với ai, không có ai

giúp sức. Sau khi xác định mình đã bị lừa mất điện thoại, ngày 21/01/2019 anh Biên đã làm đơn trình báo Công an xã Tân K, Công an xã Tân K đã tiến hành tiếp nhận đơn và chuyển đơn trình báo lên Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện P tiến hành xác minh, giải quyết theo quy định.

Qua xác minh, điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện P đã xác định được T đang có mặt tại xã Long Thượng, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An. Công an huyện P đã cử lực lượng phối hợp cùng cơ quan chức năng địa phương tiếp cận làm việc với Phạm Ngọc T. Qúa trình làm việc với Cơ quan Cảnh sát điều tra, T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nêu trên.

Ngày 30/1/2019, Cơ quan CSĐT – Công an huyện P đã ra yêu cầu định giá tài sản để định giá tài sản là chiếc Iphone 7 Plus màu hồng bản 32GB là tài sản mà T đã lừa đảo chiếm đoạt của anh Biên. Tại Bản kết luận định giá tài sản số 04/KL - ĐG ngày 15/02/2019 của Hội đồng định giá tài sàn huyện P, tỉnh T Nguyên kết luận giá trị tài sản định giá là 7.000.000 đồng.

Lời khai nhận tội của T phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án như: Đơn trình báo, biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, vật chứng thu giữ, kết luận giám định, lời khai của bị hại, người làm chứng cùng các tài liệu chứng cứ khác mà cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Bản cáo trạng số 159/CT-VKSPB, ngày 14/10/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh T Nguyên truy tố bị cáo Phạm Ngọc T về tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P sau khi phân tích, đánh giá chứng cứ, nhân thân cũng như các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo đã kết luận: Giữ nguyên cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo, đề nghị với Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Phạm Ngọc T phạm tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"

Áp dụng: Khoản 1 Điều 174; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 91; Điều 101; Điều 38 BLHS. Xử phạt bị cáo Phạm Ngọc T từ 6 đến 9 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 586, 589, 357, 468 của Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo Phạm Ngọc T và gia đình có trách nhiệm bồi thường cho Anh Nguyễn Văn B giá trị chiếc điện thoại Iphone 7 Plus theo định giá là 7.000.000đ.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch sung quỹ Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bà Nguyễn Ngọc Qlà người bào chữa cho bị cáo đã trình bày luận cứ bào chữa, thể hiện quan điểm: Nhất trí về tội danh và điều luật cũng như mức án mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị.

Kết thúc phần tranh luận bị cáo không có ý kiến tranh luận gì, mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Điều tra viên, của Kiểm sát viên, Viện kiểm sát trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và lời khai đó có căn cứ chấp nhận vì đã đúng như nội dung cáo trạng truy tố, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với chính lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với đơn trình báo của bị hại và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án..

Như vậy có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử xác định: Khoảng 5 giờ 00 phút ngày 21/01/2019 tại nhà nghỉ Hương Rừng thuộc Xóm Cầu N, xã Tân K, huyện P Phạm Ngọc T đã có thủ đoạn gian dối lừa đảo chiếm đoạt 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus màu hồng bản 32 GB có giá trị 7.000.000đ của Anh Nguyễn Văn B, sau đó bán được số tiền 4.500.000đ và đã tiêu sài cá nhân hết.

Hành vi nêu trên của bị cáo Phạm Ngọc T có đủ yếu tố cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 174 BLHS. Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh T Nguyên truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật viện dẫn nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Nội dung của Điều 174 của Bộ luật hình sự quy định:

"1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng…. thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm."

[3] Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, mức độ của tội phạm là ít nghiêm trọng, đã xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất ổn định về an ninh trật tự ở địa phương. Hành vi phạm tội của bị cáo cần phải được xử lý theo quy định của pháp luật.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do đó, bị cáo được hưởng hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm s, i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự;

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi (tính đến thời điểm phạm tội bị cáo được 16 tuổi 09 tháng 11 ngày tuổi), do đó bị cáo được áp dụng nguyên tắc xử lý đối với người chưa thành niên phạm tội. Mặc dù

có tuổi đời còn trẻ nhưng lại không chịu lao động làm ăn chân chính, vì nóng lòng về nhà mà bị cáo đã lừa đảo lấy chiếc điện thoại của anh Biên bán lấy tiền về nhà, do đó Hội đồng xét xử xem xét cân nhắc giảm nhẹ phần nào hình phạt cho bị cáo. Tuy nhiên sau khi phạm tội bị cáo cũng không có thiện chí để tích cực khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại cho phía bị hại, anh Biên là bị hại đề nghị xử phạt bị cáo theo quy định pháp luật. Bản thân bị cáo không có nơi cư trú ổn định, là đối tượng nghiện ma túy. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ nhân thân cũng như tính chất, mức độ vi phạm do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, không có căn cứ chấp nhận lời thỉnh cầu của bị cáo, mà cần phải có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo và cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhất định để có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung.

[4] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử thấy bị cáo là người chưa đủ 18 tuổi, không có thu nhập, bản thân bị cáo lại không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản riêng gì. Do đó Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã có hành vi chiếm đoạt tài sản là chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus bản 32 GB, hiện tài sản chưa thu hồi được để trả lại cho chủ sở hữu là Anh Nguyễn Văn B, quá trình điều tra và tại phiên tòa anh Biên yêu cầu bị cáo T bồi thường cho anh giá trị chiếc điện thoại nêu trên theo kết luận định giá tài sản của cơ quan có thẩm quyền. Xét yêu cầu của Anh Nguyễn Văn B là có căn cứ nên cần chấp nhận và buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho anh Biên giá trị chiếc điện thoại nói trên được tính thành tiền là 7.000.000 đồng. Tuy nhiên, bị cáo chưa đủ 18 tuổi bản thân không có tài sản riêng nên cần buộc người giám hộ cho bị cáo là bố mẹ đẻ bị cáo phải bồi thường cho Anh Nguyễn Văn B.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát trong lời luận tội đối với bị cáo như đề nghị về tội danh, điều luật áp dụng, trách nhiệm bồi thường thiệt hại; Lời bào chữa của người bào chữa cho bị cáo là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật cần chấp nhận.

[7] Về án phí: Cần buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch sung quỹ Nhà nước.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 326 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Tuyên bố: Bị cáo Phạm Ngọc T phạm tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 91; Điều 101; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015; Xử phạt Phạm Ngọc T **06** *(Sáu)* tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 586, 589, 357, 468 của Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Phạm Ngọc T ; ông Phạm Đ và bà Đặng Thị M có trách nhiệm bồi thường chiếc điện thoại Iphone 7 Plus bản 32 GB có giá trị là: **7.000.000đ** *(Bẩy triệu đồng)*

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu bị cáo T; ông Đ; bà M không tự nguyện thi hành số tiền trên thì hàng tháng bị cáo; ông Đ bà M phải chịu khoản tiền lãi chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Phạm Ngọc T phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí HSST và 350.000đ (Ba trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự có giá ngạch sung quỹ Nhà nước.

5. Thông báo về quyền kháng cáo: Án xử công khai có mặt bị cáo Phạm Ngọc T; bị hại Anh Nguyễn Văn B, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người đại diện theo pháp luật của bị cáo (bà Đặng Thị M, ông Phạm Đ) có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án./.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh T Nguyên;
- VKS ND tỉnh T Nguyên;
- VKS ND huyện P;
- Cơ quan điều tra CA huyện P;
- CQTHAHS Công an huyện P;
- CC T.H.A DS huyện P;
- Bị cáo;
- Sở tư pháp tỉnh T Nguyên;
- Lưu: HS, VP, T.H.A HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Minh Lý